



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

7. ABHISAMAYANTARĀYAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena, idha yo koci gihī pārājikaṃ ajjhāpanno bhaveyya, so aparena samayena pabbajeyya, attanā ’pi so na jāneyya: ‘Gihī pārājikaṃ¹ ajjhāpanno ’smī ’ti na pi tassa añño koci ācikkheyya: ‘Gihī pārājikaṃ ajjhāpannosī ’ti, so ca tathattāya paṭipajjeyya, api nu tassa dhammābhisamayo bhaveyyā ”ti?

“Na hi mahārājā ”ti.

“Kena bhante kāraṇenā ”ti?

“Yo tassa hetu dhammābhisamayāya so tassa samucchinno tasmā dhammābhisamayo na bhavati ”ti.

“Bhante nāgasena tumhe bhaṇatha: ‘Jānantassa kukkuccaṃ hoti, kukkucce sati āvaraṇaṃ hoti, āvaṭe citte dhammābhisamayo na hoti ’ti. Imassa pana ajānantassa akukkuccejātassa santacittassa viharato kena kāraṇena dhammābhisamayo na hoti? Visamena visameneso pañho gacchati. Cintetvā vissajjethā ”ti?

“Rūhati mahārāja sukaṭṭhe sukalale maṇḍakhette sāradaṃ sukhasayitaṃ bījan ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Api nu mahārāja taṃ yeva bījaṃ ghanaselasilātale rūheyyā ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kissa pana mahārāja taṃ yeva bījaṃ kalale rūhati, kissa ghanasele na rūhati ”ti?

2. “Natthi bhante tassa bījassa rūhanāya ghanasele hetu. Ahetunā bījaṃ na rūhati ”ti.

“Evameva kho mahārāja yena hetunā tassa dhammābhisamayo bhaveyya, so tassa hetu samucchinno. Ahetunā dhammābhisamayo na hoti. Yathā vā pana mahārāja daṇḍa-leḍḍu-laguḷa²-muggarā paṭhaviyaṃ ṭhānam-upagacchanti, api nu mahārāja teyeva daṇḍaleḍḍulaguḷamuggarā gagane ṭhānamupagacchanti ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

¹ ghipārājikaṃ - Ma.

² lakuṭa - PTS, Sīmu.

7. CÂU HỎI VỀ CHUỖNG NGẠI CỦA SỰ CHỨNG NGỘ:

1. “Thưa ngài Nāgasena, ở đây có người tại gia nào đó phạm tội cực nặng,¹ người ấy vào lúc khác xuất gia, người ấy tự mình cũng không biết rằng: ‘Khi là người tại gia, ta đã phạm tội cực nặng;’ cũng không có ai nói cho người ấy rằng: ‘Khi là người tại gia, người đã phạm tội cực nặng.’ Và người ấy thực hành để chứng đạt Niết Bàn, phải chăng đối với người ấy có thể có sự chứng ngộ Giáo Pháp?”

“Tâu đại vương, không có.”

“Thưa ngài, vì lý do gì?”

“Điều kiện đưa đến sự chứng ngộ Giáo Pháp của người ấy đã bị đứt đoạn đối với người ấy, do đó không có sự chứng ngộ Giáo Pháp.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘Đối với người biết thì có sự hối hận. Khi có sự hối hận thì có sự che lấp, khi tâm bị che lấp thì không có sự chứng ngộ Giáo Pháp.’ Tuy nhiên, người này trong khi không biết, thì đã không sanh lòng hối hận, sống có tâm an tịnh, vì lý do gì mà đối với người này thì không có sự chứng ngộ Giáo Pháp? Câu hỏi này quanh co khúc mắc. Xin ngài suy nghĩ rồi hãy trả lời.”

“Tâu đại vương, có phải hạt giống có phẩm chất, được ủ tốt đẹp sẽ nảy mầm ở thửa ruộng màu mỡ, được cày kỹ lưỡng, có bùn non?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, phải chăng chính hạt giống ấy có thể nảy mầm ở bề mặt tảng đá cứng?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vậy thì tại sao cũng hạt giống ấy lại nảy mầm ở bãi bùn, tại sao lại không nảy mầm ở tảng đá cứng?”

2. “Thưa ngài, điều kiện cho việc nảy mầm của hạt giống ấy không có ở tảng đá cứng. Do không có điều kiện, hạt giống không nảy mầm.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế với điều kiện nào mà người ấy có sự chứng ngộ Giáo Pháp, điều kiện ấy đối với người ấy đã bị đứt đoạn. Do không có điều kiện, thì không có sự chứng ngộ Giáo Pháp. Tâu đại vương, hoặc là giống như cây gậy, viên đá, cây côn, cái vồ đi đến việc trụ lại ở trái đất, phải chăng chính các cây gậy, viên đá, cây côn, cái vồ ấy đi đến việc trụ lại ở không trung?”

“Thưa ngài, không có.”

¹ Tội *pārājika* chỉ dành riêng cho tỳ khưu (4 điều) và tỳ khưu ni (8 điều), không thấy được áp dụng cho người tại gia; vì thế không xác định được bao gồm những tội nào. Có 2 bản dịch tiếng Anh ghi là: tội giết mẹ, tội giết cha, tội giết A-la-hán, tội làm như tỳ khưu ni, tội làm chảy máu (đức Phật), nhưng không xác quyết. Tạm dịch là tội cực nặng (ND).

“Kiṃ panettha mahārāja kāraṇaṃ, yena kāraṇena te yeva daṇḍa-leḍḍu-laguḷa-muggarā paṭhaviyaṃ ṭhānamupagacchanti? Kena kāraṇena gagane na tiṭṭhanti ”ti?

“Natthi bhante tesam daṇḍaledḍulaguḷamuggarānaṃ patiṭṭhānāya ākāse hetu. Ahetunā na tiṭṭhanti ”ti.

“Evameva kho mahārāja, tassa tena dosena abhisamayahetu samucchinno. Hetusamugghāte ahetunā abhisamayo na hoti. Yathā vā pana mahārāja thale aggi jalati, api nu kho mahārāja so yeva aggi uduke jalati ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kiṃ panettha mahārāja kāraṇaṃ, yena kāraṇena so yeva aggi thale jalati? Kena kāraṇena uduke na jalati ”ti?

“Natthi bhante aggissa jalanāya uduke hetu. Ahetunā na jalati ”ti.

“Evameva kho mahārāja tassa tena dosena abhisamayahetu samucchinno. Hetusamugghāte ahetunā dhammābhisamayo na hoti ”ti.

3. “Bhante nāgasena, punapetaṃ atthaṃ cintehi. Na me tattha citta-saññatti bhavati ‘ajānantassa asati kukkuce āvaraṇaṃ hoti ’ti. Kāraṇena maṃ saññāpehī ”ti.

“Api nu kho¹ mahārāja viṣaṃ halāhalaṃ ajānantenapi khāyitaṃ jīvitaṃ haratī ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Evameva kho mahārāja ajānantenapi kataṃ pāpaṃ abhisamayantarāyakaṃ hoti. Api nu mahārāja aggi ajānitvā akkamantaṃ ḍahatī ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Evameva kho mahārāja ajānantenapi kataṃ pāpaṃ abhisamayantarāyakaṃ hoti. Api nu mahārāja ajānantaṃ āsiviso ḍasitvā² jīvitaṃ haratī ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Evameva kho mahārāja ajānantenapi kataṃ pāpaṃ abhisamayantarāyakaṃ hoti. Nanu mahārāja kālīṅgarājā samaṇakolañño sattaratanaparikiṇṇo hatthiratanamabhiruyha kuladassanāya gacchanto ajānanto ’pi nāsakkhi bodhimaṇḍassa uparito gantuṃ. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena ajānantenapi kataṃ pāpaṃ abhisamayantarāyakaṃ hoti ”ti.

“Jinabhāsitaṃ bhante nāgasena kāraṇaṃ na sakkā paṭikkosituṃ. Eso ’vetassa attho, tathā sampaṭicchāmī” ti.

Abhisamayantarāyapañho sattamo.

¹ kho - itisaddo Ma, PTS potthakesu na dissate.

² ḍasitvā - Ma.

Tâu đại vương, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy chính các cây gậy, viên đá, cây côn, cái vồ ấy đi đến việc trụ lại ở trái đất? Vì lý do gì chúng không trụ lại ở không trung?”

“Thưa ngài, điều kiện cho việc trụ lại của các cây gậy, viên đá, cây côn, cái vồ ấy không có ở không trung. Do không có điều kiện, chúng không trụ lại.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bị đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện, thì không có sự chứng ngộ. Tâu đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa phát cháy ở đất bằng, tâu đại vương, phải chăng chính ngọn lửa ấy phát cháy ở trong nước?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy chính ngọn lửa ấy phát cháy ở đất bằng? Vì lý do gì nó không phát cháy ở trong nước?”

“Thưa ngài, điều kiện cho việc phát cháy của ngọn lửa không có ở trong nước. Do không có điều kiện, nó không phát cháy.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bị đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện, thì không có sự chứng ngộ.”

3. “Thưa ngài Nāgasena, xin ngài hãy suy nghĩ lại về ý nghĩa này. Trẫm không có sự tin chắc ở tâm về trường hợp ấy là: ‘Đối với người không biết, khi không có sự hối hận, lại có sự che lấp.’ Hãy giải thích cho trẫm về lý do.”

“Tâu đại vương, phải chăng chất độc dữ dội đã được ăn vào mặc dầu không biết, cũng lấy đi mạng sống?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu đại vương, phải chăng ngọn lửa cũng thiêu đốt người bước lên mà không biết?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu đại vương, phải chăng rắn độc sau khi cắn người không biết (bản thân đã bị rắn cắn) cũng lấy đi mạng sống?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu đại vương, Sāmaṇakolañña vua xứ Kāliṅga, được tùy tùng với bảy báu vật, sau khi cỡi lên con voi báu, trong khi đi đến thăm gia đình, mặc dầu không biết cũng đã không thể di chuyển phía bên trên khu vực cội cây Bồ Đề. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy việc ác đã được làm, mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ.”

“Thưa ngài Nāgasena, không thể bác bỏ lý do đã được đấng Chiến Thắng giảng giải. Điều này đúng là ý nghĩa của việc ấy. Trẫm chấp nhận như thế.”

Câu hỏi về chướng ngại của sự chứng ngộ là thứ bảy.
